

Bản tin Phân tích kỹ thuật

26/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G4000 thu hẹp một phần đà giảm sau khi tiếp cận hỗ trợ 1.783 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng đóng cửa dưới đường MA20 cho thấy đà điều chỉnh vẫn lấn át về cuối ngày. (M15)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, dự báo áp lực điều chỉnh sẽ thuyên giảm đáng kể nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.795 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua nếu thỏa điều kiện trên với dừng lỗ là ngưỡng 1.790 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.795 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.805 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.790 điểm

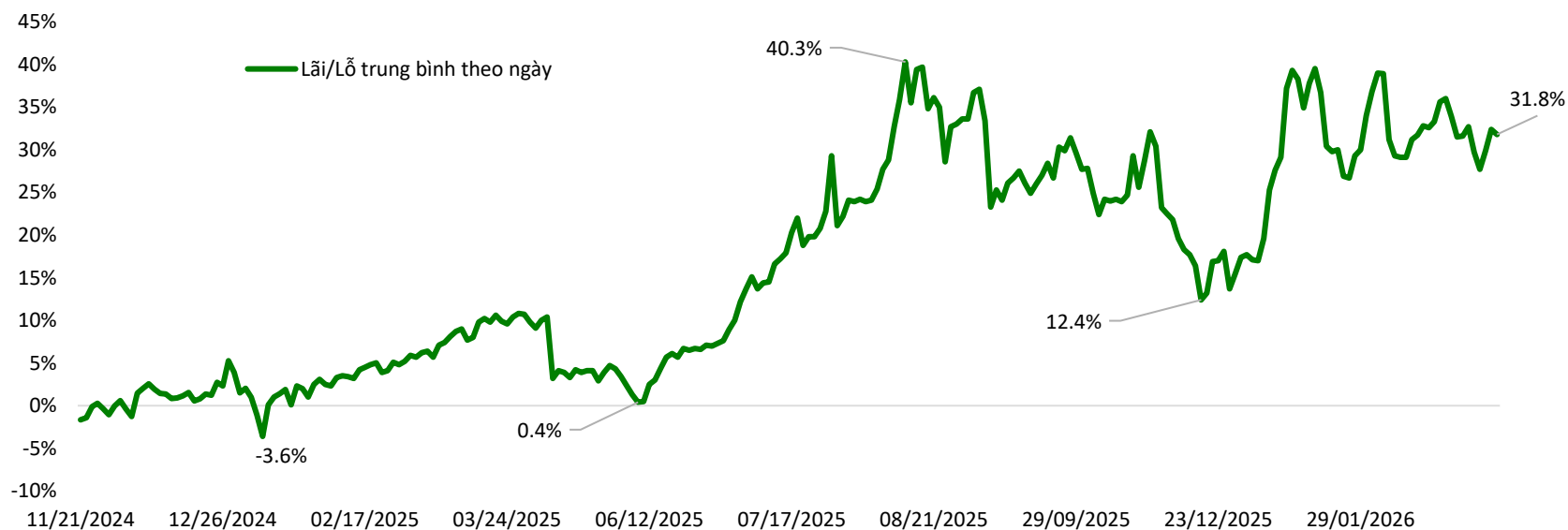
Quan điểm kỹ thuật



- Áp lực điều chỉnh trên VN-Index chủ yếu đến từ nhóm vốn hóa lớn, thể hiện qua biên độ giảm cao của VN30 trong khi VNMidcap và VNSmallcap chỉ giảm nhẹ. Thanh khoản đồng loạt suy giảm trên các rổ chỉ số cho thấy áp lực cung trên sàn HOSE vẫn ở mức thấp. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tiêu cực tiếp tục duy trì trên tất cả các rổ chỉ số.
- Áp lực bán dù chưa cao nhưng xuất hiện chủ động từ đầu ngày và dàn trải trên nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Dầu khí, Điện và Bảo hiểm. Ở chiều ngược lại, lực mua giá thấp xuất hiện tại nhóm Tiêu dùng, Bán lẻ, Vật liệu, Xây dựng và Chứng khoán, dù mức độ lan tỏa còn hạn chế.
- Tín hiệu hiện tại cho thấy trạng thái cung cầu đang ở mức cân bằng. Do đó, xác suất cho hai kịch bản tăng và giảm trong phiên 27/03 là tương đương nhau. Trong trường hợp điều chỉnh, vùng 1.600–1.610 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ, trong khi khu vực 1.660–1.670 điểm là kháng cự nếu hoạt động tăng giá xuất hiện.
- Dựa trên diễn biến hiện tại, nhóm Điện, Xây dựng và Bảo hiểm nhiều khả năng tiếp tục duy trì diễn biến tích cực. Trong khi đó, nhóm Tiêu dùng, Chứng khoán và Bất động sản có thể thu hút lực mua giá thấp nếu VN-Index lùi về vùng hỗ trợ.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	81,500	75,400	8.1%	71,000	82,500	78,000	92,000
REE	26/03/2026		Đang mở	71,700	70,900	1.1%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	28,300	28,100	0.7%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026		Đang mở	85,500	83,600	2.3%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	101,100	-2.98%	-1.17%	415,259	-2.776	10,200	1.7	9.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	130,000	1.01%	-10.34%	1,001,784	2.274	1,468	6.8	88.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	80,300	-2.67%	-8.85%	193,760	-1.161	4,730	2.9	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,200	-3.64%	-3.39%	126,400	-1.033	5,515	3.5	13.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,150	-2.11%	0.33%	213,650	-1.013	3,577	1.3	8.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	38,900	-1.52%	-4.31%	283,195	-0.967	4,277	1.7	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,900	-0.86%	-3.18%	483,794	-0.931	4,210	2.1	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	25,900	-1.71%	-3.00%	198,795	-0.763	2,013	1.5	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	81,500	-5.12%	9.54%	60,499	-0.696	3,996	2.5	20.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	60,600	-2.57%	-4.42%	114,244	-0.660	3,150	1.9	19.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	169,000	4.06%	1.81%	61,854	0.565	8,918	7.7	19.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPX	29,200	-4.26%	-6.71%	54,750	-0.524	2,298	1.6	12.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	61,000	-1.77%	0.00%	127,487	-0.508	4,503	4.2	13.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	30,000	-1.64%	-7.55%	120,000	-0.442	1,406	2.1	21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,800	-0.73%	-2.45%	262,523	-0.433	4,454	1.5	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	83,700	-1.53%	5.42%	75,312	-0.765	17,478	4.3	4.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HUT	17,100	2.40%	5.56%	18,268	0.291	434	1.7	39.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
NVB	10,700	-1.83%	-2.73%	20,594	-0.251	0	1.5	181,712.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	142,000	-1.18%	-5.65%	28,400	-0.223	10,115	5.5	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	23,100	-2.12%	-1.70%	15,414	-0.217	1,883	1.9	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	26,000	7.00%	6.56%	3,347	0.155	3,172	1.7	8.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NTP	54,700	-2.32%	-4.70%	9,356	-0.144	5,805	2.2	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	10,900	-1.80%	-2.68%	11,686	-0.140	1,141	0.9	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	52,900	5.80%	0.00%	2,645	0.102	2,300	2.6	23.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
VCS	40,800	-1.92%	0.49%	6,528	-0.083	4,340	1.3	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

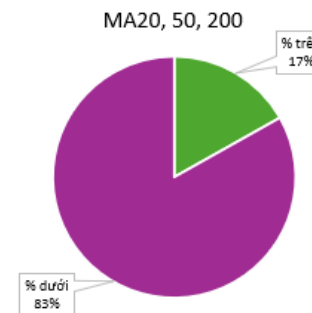
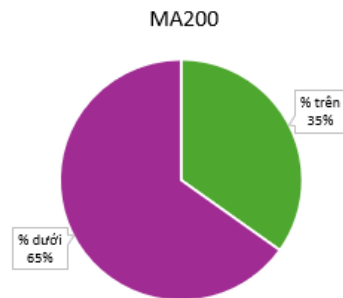
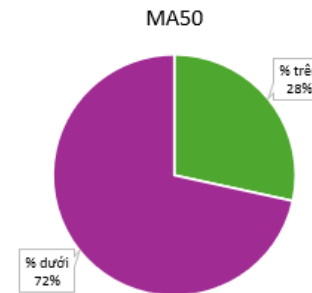
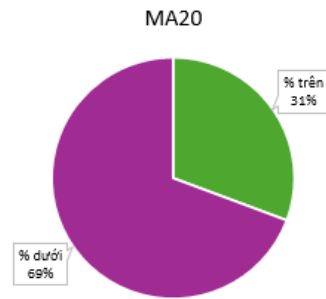
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	95,900	9.85%	13.90%	284,453	0.142	3,063	6.9	30.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	81,300	3.44%	-2.05%	60,703	0.011	4,627	5.6	17.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	49,000	-1.41%	4.03%	53,778	-0.004	10	4.4	4,760.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCR	40,000	8.11%	-1.48%	8,348	0.003	-368	5.6	-107.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	33,200	-1.19%	-1.19%	44,128	-0.003	5,512	1.6	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	36,100	3.14%	-0.55%	14,341	0.002	588	3.3	61.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
OIL	15,200	-2.56%	-11.11%	15,651	-0.002	420	1.5	36.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGR	77,000	5.19%	10.16%	7,212	0.002	6,040	6.0	14.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	45,000	-0.22%	-4.05%	162,301	-0.002	3,026	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMM	18,000	19.21%	-11.76%	1,762	0.002	1,346	1.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
REE	71,700	1.1%	148.1	77.2	52,202	70,900	1.9	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	47,150	4.1%	34.8	89.5	16,453	45,750	2.1	19.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GTD	160,000	8.1%	27.0	1.4	8,100	148,000	56.9	-115.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GTD	160,000	8.1%	27.0	1.4	8,100	148,000	56.9	-115.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	5,280	0.0%	13.8	2.6	2,500	11,150	0.5	15.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			26/03/2026	25/03/2026	24/03/2026	23/03/2026	20/03/2026	19/03/2026	18/03/2026	17/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	28%	29%	26%	24%	30%	31%	34%	33%
		Dưới	72%	71%	74%	76%	70%	69%	66%	67%
	MA50	Trên	23%	24%	19%	16%	23%	24%	26%	26%
		Dưới	77%	76%	81%	84%	77%	76%	74%	74%
	MA20	Trên	29%	28%	18%	14%	20%	20%	22%	22%
		Dưới	71%	72%	82%	86%	80%	80%	78%	78%
VN30	MA200	Trên	27%	30%	20%	23%	33%	50%	50%	47%
		Dưới	73%	70%	80%	77%	67%	50%	50%	53%
	MA50	Trên	0%	3%	0%	0%	3%	7%	7%	7%
		Dưới	100%	97%	100%	100%	97%	93%	93%	93%
	MA20	Trên	23%	20%	10%	7%	10%	13%	17%	17%
		Dưới	77%	80%	90%	93%	90%	87%	83%	83%
HNX	MA200	Trên	38%	38%	36%	36%	39%	40%	43%	41%
		Dưới	62%	62%	64%	64%	61%	60%	57%	59%
	MA50	Trên	31%	32%	27%	29%	33%	36%	38%	37%
		Dưới	69%	68%	73%	71%	67%	64%	62%	63%
	MA20	Trên	38%	38%	36%	36%	39%	40%	43%	41%
		Dưới	62%	62%	64%	64%	61%	60%	57%	59%
UPCOM	MA200	Trên	31%	31%	27%	25%	28%	29%	28%	29%
		Dưới	69%	69%	73%	75%	72%	71%	72%	71%
	MA50	Trên	31%	32%	29%	28%	30%	32%	31%	31%
		Dưới	69%	68%	71%	72%	70%	68%	69%	69%
	MA20	Trên	37%	38%	36%	37%	39%	39%	39%	40%
		Dưới	63%	62%	64%	63%	61%	61%	61%	60%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 3																		Tháng 2	
		26 ↓	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27
1	Điện, nước & xăng d...	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64
2	Y tế	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61
3	Dầu khí	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89
4	Bảo hiểm	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63
5	Bán lẻ	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88
6	Xây dựng và Vật liệu	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61
7	Tài nguyên Cơ bản	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71
8	Ô tô và phụ tùng	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59
9	Hàng & Dịch vụ Cón...	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67
10	Hàng cá nhân & Gia ...	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74
11	Hóa chất	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75
12	Bất động sản	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37
13	Thực phẩm và đồ uống...	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57
14	Ngân hàng	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62
15	Dịch vụ tài chính	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61
16	Du lịch và Giải trí	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43
17	Công nghệ Thông tin	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BVH	81,500	-5.1%	9.5%	60,499	2.5	20.4	3,996	66.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
REE	71,700	1.1%	9.6%	38,837	1.9	15.4	4,669	148.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,100	2.4%	5.6%	18,268	1.7	39.4	434	109.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
IDC	46,800	0.0%	6.4%	17,761	2.8	9.2	5,090	93.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDG	29,600	-3.3%	3.5%	10,951	1.6	15.5	1,907	105.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTD	85,500	1.7%	3.3%	9,106	1.0	11.6	7,388	103.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
KOS	39,000	0.1%	1.0%	8,443	3.6	448.2	87	17.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	27,750	0.2%	7.1%	7,989	1.6	7.1	3,926	40.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VGR	77,000	5.2%	10.2%	7,212	6.0	14.5	6,040	6.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEG	16,700	-2.6%	2.8%	5,984	1.4	10.0	1,663	76.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	47,150	4.1%	3.1%	5,032	2.1	19.5	2,415	34.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	37,800	2.6%	5.0%	4,253	2.2	7.0	5,436	16.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MIG	19,000	-2.8%	10.8%	4,019	1.5	12.3	1,542	11.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PPC	10,950	-1.8%	0.5%	3,511	0.8	20.7	530	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	38,500	-2.2%	7.7%	2,600	2.0	27.5	1,399	20.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
TTA	12,250	-1.2%	7.5%	2,187	0.9	9.4	1,297	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAC	26,500	-5.4%	6.0%	1,847	1.8	15.7	1,688	52.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MZG	13,300	0.0%	4.7%	1,543	1.0	12.0	1,104	6.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GTD	160,000	8.1%	63.3%	1,496	56.9	-115.4	-1,394	27.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
D2D	38,100	3.0%	4.4%	1,153	1.6	4.8	7,928	8.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMP	125,100	-2.4%	-2.3%	10,241	3.6	8.3	15,010	36.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	10,000	-1.0%	-7.4%	1,918	0.9	21.6	463	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APG	5,580	-4.3%	-10.1%	1,248	0.5	228.5	24	5.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,900	-0.9%	-3.2%	483,794	2.1	13.8	4,210	359.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	38,900	-1.5%	-4.3%	283,195	1.7	9.1	4,277	240.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	25,900	-1.7%	-3.0%	198,795	1.5	12.9	2,013	479.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	29,200	-4.3%	-6.7%	54,750	1.6	12.7	2,298	23.1	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	39,900	-3.4%	-13.3%	50,697	1.9	18.8	2,122	169.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	52,300	-4.4%	-12.2%	19,862	1.3	6.6	7,965	266.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	23,200	-1.7%	-0.9%	9,935	2.3	29.9	777	5.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	54,700	-2.3%	-4.7%	9,356	2.2	9.4	5,805	6.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	25,000	-1.6%	-5.1%	8,662	2.0	21.5	1,161	14.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	13,950	-2.4%	-6.4%	3,794	1.3	13.3	1,053	7.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHI	13,900	-0.7%	-0.7%	2,362	1.3	46.4	299	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	22,800	-1.3%	-12.0%	1,842	1.5	135.9	168	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,800	-0.7%	-2.5%	262,523	1.5	7.6	4,454	193.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,000	-0.2%	-4.1%	162,301	2.3	15.0	3,026	33.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,200	-3.6%	-3.4%	126,400	3.5	13.5	5,515	729.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	41,800	0.0%	-4.8%	124,868	2.7	10.9	3,824	26.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	30,000	-1.6%	-7.6%	120,000	2.1	21.3	1,406	72.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,320	-0.78%	-0.63%	13,600	115.2%	581	0.6	10.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	52,300	-4.39%	-12.25%	91,200	74.4%	7,965	1.3	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,700	-1.34%	-3.29%	25,500	73.5%	357	1.2	41.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	13,850	-2.12%	-1.77%	24,000	73.3%	229	1.1	60.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	25,450	-1.55%	-3.05%	43,700	71.7%	943	1.5	27.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,400	-3.07%	1.43%	45,800	61.3%	1,805	1.1	15.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FPT	74,200	-3.64%	-3.39%	116,600	57.1%	5,515	3.5	13.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	26,350	-1.86%	-2.41%	40,800	54.8%	1,979	2.1	13.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	35,400	-0.56%	4.12%	54,000	52.5%	1,638	1.8	21.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	28,300	-0.70%	-2.41%	42,400	49.8%	1,916	1.6	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	28,700	-0.69%	-7.87%	42,500	48.1%	2,450	1.1	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,200	-0.38%	2.34%	38,000	45.0%	3,024	1.2	8.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,000	-0.22%	-4.05%	64,600	43.6%	3,026	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,700	-1.76%	-2.61%	64,100	43.4%	3,130	2.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,200	2.90%	2.16%	20,000	40.8%	862	0.7	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSN	72,100	-1.50%	-4.38%	101,200	40.4%	2,710	3.0	26.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	22,800	-1.30%	-11.97%	31,900	39.9%	168	1.5	135.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,750	-1.11%	-0.28%	24,600	38.6%	3,200	1.2	5.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	42,000	-0.47%	-2.10%	58,100	38.3%	3,560	1.4	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	25,900	-1.71%	-3.00%	35,700	37.8%	2,013	1.5	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn